



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 40

12/2007  
CÔNG  
NHIỆP  
TOÁN V  
VIỆT  
GIẤY

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuyển	Ủy viên
Ông Vũ Quang Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nga	Ủy viên
Ông Lê Hữu Phúc	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 29/06/2018)

#### Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Văn Tuyển	Quyền Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/08/2018)
Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc (bãi nhiệm kể từ ngày 29/3/2019)
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Hải	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Đức Doanh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2018)

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

28-C  
TY  
HỮU  
DINH  
NAM  
TP.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**



**Ngô Văn Tuyển**

**Quyền Tổng giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Số : 271 -19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

**Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Công ty mẹ - Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Khoản hỗ trợ vốn cho một số đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty chưa được Công ty mẹ - Tổng Công ty xác định và ghi nhận lãi phát sinh từ việc hỗ trợ vốn này. Với những tài liệu hiện có tại Công ty mẹ - Tổng Công ty chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị khoản lãi phát sinh từ các hợp đồng hỗ trợ vốn nêu trên hay không.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán đang được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 48.323.392.229 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán để xác định giá trị có thể thu hồi đối với khoản trả trước cho người bán này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên hay không.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của Hàng tồn kho tồn đọng từ các năm tài chính trước với giá trị 81.030.217.622 đồng, chưa đánh giá khả năng thu hồi của khoản gốc và lãi hỗ trợ vốn cho một số đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty với giá trị lần lượt là 570.944.647.292 đồng và 75.490.785.012 đồng. Với những tài liệu mà Công ty mẹ - Tổng Công ty cung cấp chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho và khả năng thu hồi của khoản hỗ trợ vốn cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục dự phòng cho các khoản mục nêu trên hay không.

Như đã trình bày tại thuyết minh số IV.7 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Nhà máy thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 trên cơ sở giá bán ước tính theo quy chế bán hàng và phần trăm giảm giá theo thời gian sản xuất của xe và các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm. Với những tài liệu mà Nhà máy cung cấp chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng hàng tồn kho mà Nhà máy đã trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Trong năm 2018, Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đang ghi nhận doanh thu bán 450 xe Mighty 2017 (chưa có thùng chở hàng, sản xuất năm 2017, tiêu chuẩn khí thải EURO II) cho Công ty CP Thương mại dịch vụ TCG với giá trị 261.818.181.900 đồng, ghi nhận giá vốn và các chi phí liên quan ước tính của lô hàng này để xác định kết quả kinh doanh trong năm lần lượt là 229.707.416.374 đồng và 1.627.700.850 đồng. Với những tài liệu Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP cung cấp thì khoản ghi nhận doanh thu nêu trên chưa thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 24/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu, giá vốn và các chi phí liên quan đến lô hàng nêu trên dẫn tới Lợi nhuận kế toán trước thuế của Nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP năm 2018 tăng thêm với giá trị 30.483.064.676 đồng.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phạm Ngọc Toàn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2018-034-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.777.899.237.575</b>	<b>9.164.590.944.925</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>205.359.805.369</b>	<b>2.090.605.939.937</b>
1 Tiền	111		148.970.539.414	460.075.820.056
2 Các khoản tương đương tiền	112		56.389.265.955	1.630.530.119.881
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>8.618.390.954.308</b>	<b>1.800.000.000.000</b>
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.618.390.954.308	1.800.000.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.327.313.360.593</b>	<b>2.269.651.460.441</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	869.011.309.392	1.398.723.723.145
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	174.220.584.978	605.642.892.494
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	2.608.355.988.707	579.022.029.252
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(326.920.156.012)	(316.382.817.978)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6.	2.645.633.528	2.645.633.528
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.565.820.616.488</b>	<b>2.799.403.079.737</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.8.	1.602.352.369.529	2.839.354.910.770
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(36.531.753.041)	(39.951.831.033)
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.014.500.817</b>	<b>204.930.464.810</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13.	1.873.839.353	3.258.983.020
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		54.610.174.473	182.229.344.265
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16.	4.530.486.991	19.442.137.525
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.948.672.001.488</b>	<b>8.043.046.566.982</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>620.586.067.292</b>	<b>616.702.847.292</b>
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.	48.876.150.000	7.135.000.000
2 Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	571.709.917.292	609.567.847.292
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>789.668.479.885</b>	<b>828.334.155.546</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	770.450.406.209	808.863.465.502
- Nguyên giá	222		1.342.076.564.402	1.287.435.688.051
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(571.626.158.193)	(478.572.222.549)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	19.218.073.676	19.470.690.044
- Nguyên giá	228		19.850.307.767	19.850.307.767
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(632.234.091)	(379.617.723)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.12.</b>	<b>39.623.917.075</b>	<b>41.368.437.109</b>
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	57.450.728.754
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(17.826.811.679)	(16.082.291.645)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9.</b>	<b>60.097.804.473</b>	<b>113.056.789.963</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		60.097.804.473	113.056.789.963
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>3.362.497.815.168</b>	<b>6.362.192.794.987</b>
1 Đầu tư vào công ty con	251		2.793.088.901.590	2.199.462.990.357
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		691.688.117.180	4.190.779.414.294
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.170.823.616	27.170.823.616
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(149.450.027.218)	(55.220.433.280)
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>76.197.917.595</b>	<b>81.391.542.085</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13.	76.197.917.595	81.391.542.085
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>18.726.571.239.063</b>	<b>17.207.637.511.907</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>213.366.643.077</b>	<b>3.397.562.511.267</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>202.571.919.689</b>	<b>3.363.165.117.742</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14.	54.703.064.953	1.711.582.641.879
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15.	7.979.164.118	3.262.663.259
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16.	34.252.861.069	29.965.163.335
4 Phải trả người lao động	314		7.408.640.868	19.816.796.269
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17.	37.347.750.732	64.563.349.253
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19.	2.000.000	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.	57.207.528.945	1.522.778.796.701
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20.	3.534.736.744	-
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		136.172.260	11.195.707.046
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.794.723.388</b>	<b>34.397.393.525</b>
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18.	10.794.723.388	34.397.393.525
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.513.204.595.986</b>	<b>13.810.075.000.640</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21.</b>	<b>18.512.454.595.986</b>	<b>13.810.075.000.640</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.224.454.595.986	522.075.000.640
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.224.454.595.986	522.075.000.640
3 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>750.000.000</b>	<b>-</b>
1 Nguồn kinh phí	431		750.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>18.726.571.239.063</b>	<b>17.207.637.511.907</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Người lập biểu

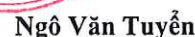
Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng

  
Hoàng Văn Lãm



  
Ngô Văn Tuyền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: VND
				Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	2.927.109.085.465	2.554.889.955.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	-	12.308.897.100
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.927.109.085.465	2.542.581.058.228
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	2.722.794.840.214	2.271.110.767.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		204.314.245.251	271.470.291.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	5.494.790.932.152	994.512.655.321
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	148.112.599.147	55.384.195.601
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	105.618.027.831	214.026.676.641
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	185.795.382.924	470.616.646.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.259.579.167.501	525.955.427.778
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.460.525.400	5.174.473.318
12. Chi phí khác	32	VI.7.	10.417.787.434	9.054.900.456
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(8.957.262.034)	(3.880.427.138)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.250.621.905.467	522.075.000.640
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	26.167.309.481	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.224.454.595.986	522.075.000.640

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hồng



Hoàng Văn Lãm



Ngô Văn Tuyền

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Đơn vị tính: VND Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.250.621.905.467	522.075.000.640
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		95.051.072.046	84.844.927.324
- Các khoản dự phòng	03		104.881.590.724	411.555.082.291
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(21.348.870)	(66.731.490)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.493.884.901.287)	(993.636.019.602)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(43.351.681.920)	24.772.259.163
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.779.003.085.294)	(1.229.299.396.098)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.237.002.541.241	(1.301.509.232.587)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.026.382.851.474)	1.566.225.799.862
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.578.768.157	12.865.390.724
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(18.867.627.408)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		15.410.206.262	482.989.100
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.525.493.986.637)	(20.668.845.743)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(4.115.240.089.665)</b>	<b>(965.998.662.987)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.987.109.426)	(51.068.485.948)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.318.390.954.308)	(1.800.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000.000	67.350.618.622
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(284.788.090.226)	(12.915.563.580)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.853.987.197.023	4.972.451.899.010
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>2.742.821.043.063</b>	<b>3.175.818.468.104</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(512.706.317.754)	(3.663.813.002.921)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(512.706.317.754)</b>	<b>(3.663.813.002.921)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		<b>(1.885.125.364.356)</b>	<b>(1.453.993.197.804)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.090.605.939.937	3.544.525.693.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(120.770.212)	73.444.259
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	V.01	<b>205.359.805.369</b>	<b>2.090.605.939.937</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thanh Hồng

Phụ trách kế toán

  
Hoàng Văn Lãm

Quyền Tổng giám đốc

  
  
Ngô Văn Tuyển

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này.)

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Công ty mẹ - Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 1119/QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty Con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25/6/2010 của Bộ Công thương. Theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30/05/2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hoá Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05/04/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23/12/2016 của Bộ Công thương về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam để chuyển Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH thành Công ty Cổ phần thì Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH được đổi tên thành Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103866 đăng ký thay đổi lần 07 ngày 24/01/2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 08 ngày 31/08/2018 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (Bằng chữ: Mười ba nghìn, hai trăm tám mươi tám tỷ đồng chẵn).

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty mẹ - Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);

Trụ sở của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **5. Cấu trúc doanh nghiệp**

##### **a) Danh sách các Công ty con của Công ty mẹ - Tổng Công ty**

1. Công ty CP Cơ khí chính xác số 1
  - Địa chỉ: Lô CN – B7, khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ khuôn mẫu gá lắp...
2. Công ty CP Cơ khí Phở Yên
  - Địa chỉ: TT. Bãi Bông, Phở Yên, Thái Nguyên
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,00%

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ.
3. Công ty CP Cơ khí Cỗ Loa
- Địa chỉ: Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 53,66%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 53,66%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
4. Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM
- Địa chỉ: Số 2 Triệu Quốc Đạt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Vận tải đường sắt và đường bộ.
5. Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ
- Địa chỉ: Km số 3, đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6. Công ty CP Phụ tùng máy số 1
- Địa chỉ: Đường 3/2, phường Mò Chè, TP. Sông Công, Thái Nguyên
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ
7. Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp
- Địa chỉ: Số 4, phố Chu Văn An, phường Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất máy nông nghiệp
8. Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo
- Địa chỉ: Số 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất máy nông nghiệp và làm nghiệp
9. Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công
- Địa chỉ: Lương Châu, Tp. Sông Công, Thái Nguyên
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ.
10. Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy
- Địa chỉ: Khu Phố 1, P. Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Viện Công nghệ
- Địa chỉ: 25 Vũ Ngọc Phan, quận Đống Đa, Hà Nội
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ các cấp và các dự án sản xuất thử nghiệm
12. Veam Korea Corporation
- Địa chỉ: 440, Seongseo-ro, Dalseo-gu, Daegu, Republic of Korea.
  - Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 89,00%
  - Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 89,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam.

**b) Danh sách các Công ty liên kết của Công ty mẹ - Tổng Công ty**

1. Công ty CP Cơ khí Vinh
- Địa chỉ: Lô 20-21, khu C, khu công nghiệp Nam Cẩm, Nghi Xá, Nghi Lộc, Nghệ An
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 49,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại
2. Công ty CP NAKYCO
- Địa chỉ: 19/9 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 49,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại
3. Công ty CP Cơ khí An Giang
- Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, Bình Khánh, Tp. Long Xuyên, An Giang
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 47,41%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 47,41%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
4. Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ
- Địa chỉ: Lô D, khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 29,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 29,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Hoạt động xây dựng chuyên dụng
5. Công ty Honda Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 30,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 30,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất xe có động cơ
6. Công ty Ô tô Toyota Việt Nam
- Địa chỉ: Phường Phúc Thắng, Thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
  - Tỷ lệ phần sở hữu: 20,00%
  - Tỷ lệ quyền biểu quyết: 20,00%
  - Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất xe có động cơ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**c) Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty:**

1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Nghệ An - Địa chỉ: phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An
3. Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Ô tô VEAM - Địa chỉ: phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
4. Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ - Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh. Riêng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp không so sánh được do khác nhau về độ dài của kỳ kế toán.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty mẹ - Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ - Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ - Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty và các chi nhánh (Bao gồm: Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam CTCP - Chi nhánh Nghệ An, Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP và Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam CTCP - Nhà máy Đức). Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty với các chi nhánh và giữa các chi nhánh với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Tổng Công ty. Công ty mẹ - Tổng Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Tổng Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - Tổng Công ty và các công ty con (như chi tiết tại Thuyết minh số I.5) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

**2. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính*: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp là tỷ giá công bố của Ngân hàng Thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty mẹ - Tổng Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty mẹ - Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần***

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc và đã được điều chỉnh theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2014 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần (24/01/2017) giá trị các khoản đầu tư này đã được đánh giá lại theo hướng dẫn tại các văn bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Giá trị định giá lại được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ - Tổng Công ty chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

***Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa***

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty mẹ - Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ - Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty mẹ - Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty mẹ - Tổng Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Riêng nhà máy Ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 trên cơ sở giá bán ước tính theo quy chế bán hàng trừ đi phần trăm giảm giá theo thời gian sản xuất của xe và trừ đi các chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm (bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hoa hồng, chi phí tiền ắc quy, chi phí bảo hành bảo dưỡng).

**8. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty mẹ - Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	03 - 10

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ - Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội và tài sản cố định vô hình khác.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty mẹ - Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ - Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 6 năm.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

**Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty mẹ - Tổng Công ty là bất động sản do Công ty mẹ - Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty mẹ - Tổng Công ty phải bỏ ra nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

**Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

**Loại bất động sản đầu tư**

Quyền sử dụng đất

Cơ sở hạ tầng

**Thời gian khấu hao <năm>**

Không trích khấu hao

03 - 25

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí đầu tư các công trình xây dựng: Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM, Dự án phòng thí nghiệm Động lực (Tiên Sơn), Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung, Dây chuyền xe bus,... được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ - Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí nghiên cứu đề tài, chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa TSCĐ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng: Chi phí thuê văn phòng phát sinh một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian thuê.

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty mẹ - Tổng Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ - Tổng Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm khoản chi phí hoa hồng phải trả các đại lý và một số khoản chi phí phải trả khác,... thực tế đã phát sinh hoặc chưa chi, chưa có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty mẹ - Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty là dự phòng bảo hành sản phẩm, được tính bằng 5% trên tổng doanh thu bán hàng và dự phòng tiền lương, được trích bằng 9,69% quỹ tiền lương thực hiện của năm 2018, phù hợp với 3 điều kiện ghi nhận các khoản dự phòng phải trả quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty mẹ - Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty mẹ - Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, lãi hỗ trợ vốn, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi bán ngoại tệ.

***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty mẹ - Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty mẹ - Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập hoặc lợi nhuận được chia từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư hoặc trước giai đoạn cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, lãi trả chậm tiền hàng, chênh lệch tỷ giá...

**18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10% cho các mặt hàng và dịch vụ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty mẹ - Tổng Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ - Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>148.970.539.414</b>	<b>460.075.820.056</b>
Tiền mặt	765.418.355	1.851.404.979
Tiền gửi ngân hàng	148.205.121.059	458.224.415.077
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>56.389.265.955</b>	<b>1.630.530.119.881</b>
<b>Cộng</b>	<b>205.359.805.369</b>	<b>2.090.605.939.937</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	8.618.390.954.308	8.618.390.954.308	1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
<b>Ngân hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	800.000.000.000	800.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	300.000.000.000	300.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính	1.005.000.000.000	1.005.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	480.000.000.000	480.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	502.300.000.000	502.300.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tràng An	500.000.000.000	500.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ba Đình	550.000.000.000	550.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	400.000.000.000	400.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hà Nội	701.150.000.000	701.150.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	860.300.000.000	860.300.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đại La	605.250.000.000	605.250.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội	350.000.000.000	350.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Hà Nội	452.318.904.200	452.318.904.200	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Đống Đa	380.000.000.000	380.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà	301.150.000.000	301.150.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàng Quốc Việt	30.922.050.108	30.922.050.108	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 4				
<b>Cộng</b>	<b>8.618.390.954.308</b>	<b>8.618.390.954.308</b>	<b>1.800.000.000.000</b>	<b>1.800.000.000.000</b>

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTPC**  
Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>b1) Đầu tư vào công ty con</b>		
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	50.015.670.456	50.125.469.595
Công ty CP Cơ khí Phô Yên	22.810.192.474	22.810.192.474
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	295.794.759	295.794.759
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	-	-
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	127.576.996.194	127.576.996.194
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	61.611.530.011	65.118.056.278
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	46.230.790.920
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	420.001.038.861	278.001.038.861
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	1.082.549.042.467
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	348.243.472.732	48.147.564.558
Viện Công nghệ	160.145.083.264	160.145.083.264
Veam Korea Corporation	16.512.996.840	4.903.735.190
<b>Cộng</b>	<b>2.793.088.901.590</b>	<b>138.139.519.779</b>
Tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.		
<b>b2) Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty CP Cơ khí Vinh	759.808.788	759.808.788
Công ty CP Nakycoc	10.550.698.651	10.751.602.151
Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	23.823.075.776
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	9.467.051.066	9.467.051.066
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	3.858.201.821.701
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	287.776.054.812
<b>Cộng</b>	<b>691.688.117.180</b>	<b>11.310.507.439</b>
<b>Cộng</b>	<b>138.139.519.779</b>	<b>2.199.462.990.357</b>
	<b>138.139.519.779</b>	<b>55.220.433.280</b>

Tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

**b2) Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Cơ khí Vinh	759.808.788	759.808.788
Công ty CP Nakycoc	10.550.698.651	10.751.602.151
Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	23.823.075.776
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	9.467.051.066	9.467.051.066
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	3.858.201.821.701
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	287.776.054.812
<b>Cộng</b>	<b>691.688.117.180</b>	<b>11.310.507.439</b>
<b>Cộng</b>	<b>11.310.507.439</b>	<b>4.190.779.414.294</b>

Tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**b3) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	-	16.169.762.788	-
Công ty CP Kumba	11.001.060.828	-	11.001.060.828	-
<b>Cộng</b>	<b>27.170.823.616</b>	<b>-</b>	<b>27.170.823.616</b>	<b>-</b>

Tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.

**3. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>869.011.309.392</b>	<b>278.596.763.783</b>	<b>1.398.723.723.145</b>	<b>266.257.025.749</b>
Công ty CP Matexim Hải Phòng	95.090.938.535	95.090.938.535	104.602.688.637	93.891.781.165
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	73.700.000.000	71.500.000.000	82.313.199.999	72.399.999.999
Công ty CP Thương mại dịch vụ TCG	394.726.391.144	-	-	-
Các đối tượng khác	305.493.979.713	112.005.825.248	1.211.807.834.509	99.965.244.585
<b>b) Dài hạn</b>	<b>48.876.150.000</b>	<b>-</b>	<b>7.135.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	4.935.000.000	-	7.135.000.000	-
Công ty TNHH Phát Đạt Lâm	43.941.150.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>917.887.459.392</b>	<b>278.596.763.783</b>	<b>1.405.858.723.145</b>	<b>266.257.025.749</b>

c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	143.326.935.621	35.223.392.229	87.509.054.879	37.025.792.229
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling	9.000.000.000	6.300.000.000	9.000.000.000	6.300.000.000
Các đối tượng khác	21.893.649.357	6.800.000.000	509.133.837.615	6.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>174.220.584.978</b>	<b>48.323.392.229</b>	<b>605.642.892.494</b>	<b>50.125.792.229</b>

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**5. Phải thu khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.608.355.988.707</b>	-	<b>579.022.029.252</b>	-
- Phải thu về cổ phần hóa	10.379.296.365	-	7.766.368.640	-
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	-	264.936.495	-
- Cổ tức và lãi hỗ trợ vốn	2.345.848.537.134	-	375.442.973.232	-
<i>Công ty Honda Việt Nam</i>	<i>2.247.270.248.622</i>	-	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công</i>	-	-	<i>273.321.202.386</i>	-
<i>Công ty CP Matexim Hải Phòng</i>	<i>32.887.947.904</i>	-	<i>32.887.947.904</i>	-
<i>Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ</i>	<i>53.196.512.783</i>	-	<i>53.196.512.783</i>	-
<i>Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM</i>	<i>3.511.092.781</i>	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.982.735.044</i>	-	<i>16.037.310.159</i>	-
- Tạm ứng	288.544.234	-	403.935.272	-
- Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học	21.058.347.908	-	79.595.448.771	-
<i>Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo</i>	<i>8.478.468.804</i>	-	<i>12.584.000.000</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp</i>	<i>12.579.879.104</i>	-	<i>60.824.448.771</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam</i>	-	-	<i>6.187.000.000</i>	-
- Phải thu khác	230.781.263.066	-	115.548.366.842	-
<i>Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>152.508.522.717</i>	-	<i>91.897.378.234</i>	-
<i>Viện nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp - số liệu bàn giao từ Nhà máy sản Yên Thành</i>	<i>11.630.810.523</i>	-	<i>11.630.810.523</i>	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO</i>	<i>29.843.244.157</i>	-	<i>1.328.998.000</i>	-
<i>Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM</i>	<i>3.607.010</i>	-	<i>3.511.092.781</i>	-
<i>Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam</i>	<i>12.490.000.000</i>	-	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>24.305.078.659</i>	-	<i>7.180.087.304</i>	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>571.709.917.292</b>	-	<b>609.567.847.292</b>	-
- Phải thu tiền hỗ trợ vốn	570.944.647.292	-	608.894.647.292	-

28-CT  
TY  
HỮU HẠN  
ĐÌNH GIÀ  
AM  
TP. HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	144.500.000.000	-	145.200.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	274.397.837.417	-	274.397.837.417	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	87.845.636.322	-	87.845.636.322	-
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	27.868.346.742	-	27.868.346.742	-
Các đối tượng khác	36.332.826.811	-	73.582.826.811	-
- Ký cược, ký quỹ	765.270.000	-	673.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.180.065.905.999</b>	<b>-</b>	<b>1.188.589.876.544</b>	<b>-</b>

c) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

**6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Hàng hóa	2.048.351.579	2.048.351.579
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
<b>Cộng</b>	<b>2.645.633.528</b>	<b>2.645.633.528</b>

**7. Nợ xấu**

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng</b>				
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>300.872.729.497</i>	<i>22.275.965.714</i>	<i>321.306.815.885</i>	<i>55.049.790.136</i>
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	71.500.000.000	-	80.113.199.999	7.713.200.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	68.673.359.722	5.561.052.123	68.708.876.647	11.900.081.884
Công ty CP Matexim Hải Phòng	95.090.938.535	-	104.602.688.637	10.710.907.472
Các đối tượng khác	65.608.431.240	16.714.913.591	67.882.050.602	24.725.600.780
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>159.126.935.621</i>	<i>110.803.543.392</i>	<i>103.309.054.879</i>	<i>53.183.262.650</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	143.326.935.621	108.103.543.392	87.509.054.879	50.483.262.650
Công ty TNHH Shandong Tangjun	9.000.000.000	2.700.000.000	9.000.000.000	2.700.000.000
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.800.000.000	-	6.800.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>459.999.665.118</b>	<b>133.079.509.106</b>	<b>424.615.870.764</b>	<b>108.233.052.786</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	1.908.969.550	-	12.787.908.603	-
Nguyên liệu, vật liệu	120.950.105.152	-	125.743.265.495	-
Công cụ, dụng cụ	13.920.576.866	-	14.380.934.823	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	66.174.479.773	-	12.532.262.282	-
Thành phẩm	675.847.100.273	25.748.527.633	1.950.141.247.512	25.075.964.989
Hàng hóa	206.344.833.607	-	208.130.649.663	-
Hàng gửi bán	517.206.304.308	10.783.225.408	515.638.642.392	14.875.866.044
<b>Cộng</b>	<b>1.602.352.369.529</b>	<b>36.531.753.041</b>	<b>2.839.354.910.770</b>	<b>39.951.831.033</b>

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM	159.363.000	159.363.000
Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung (i)	56.529.995.370	61.973.157.026
Dự án Phòng thí nghiệm Động lực (Tiên Sơn)	-	47.525.971.818
Dây truyền xe bus	3.037.342.130	3.063.715.189
Sửa chữa, cải tạo và đầu tư bổ sung khách sạn Veam	304.977.273	304.977.273
Sửa chữa TSCĐ	-	29.605.657
Tài sản dở dang dài hạn khác	66.126.700	-
<b>Cộng</b>	<b>60.097.804.473</b>	<b>113.056.789.963</b>

(i) Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam số 04/NQ-VEAM/HĐTV ngày 10/4/2014. Dự án dự kiến xây dựng từ năm 2014 đến năm 2017 với tổng chi phí đầu tư dự kiến là 1.357 tỷ đồng.

Theo Nghị quyết số 90/NQ-HĐQT ngày 26/12/2018 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thì Hội đồng quản trị quyết định không thực hiện Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" tại Bim Sơn - Thanh Hóa. Đồng thời tổ chức thực hiện xử lý các tồn tại của Dự án, bao gồm các chi phí thực tế đã đầu tư cho Dự án, cụ thể:

+ Các chi phí tư vấn thẩm tra, thẩm định Báo cáo khả thi và Thiết kế cơ sở (3.113.989.656 đồng): tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty VEAM

+ Chi phí mua Li - xăng (56.529.995.370 đồng): Tổng Công ty sẽ dùng bản quyền này để nghiên cứu sản xuất máy kéo bốn bánh thuộc Dự án sản xuất máy kéo hai bánh và bốn bánh của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp.

+ Chi phí đặt cọc thuê đất tại Thanh Hóa (9.406.950.000 đồng): Tổng Công ty VEAM sẽ đàm phán với đối tác cho thuê để thu hồi tiền đặt cọc.

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư ngày 01/01/2018	566.590.568.057	681.885.721.429	32.071.910.752	5.036.687.813	1.850.800.000	1.287.435.688.051	
Mua trong năm	1.112.349.691	6.047.410.660	538.152.727	143.544.182	-	7.841.457.260	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	646.785.064	45.936.996.707	-	215.637.320	-	46.799.419.091	
Số dư ngày 31/12/2018	568.349.702.812	733.870.128.796	32.610.063.479	5.395.869.315	1.850.800.000	1.342.076.564.402	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư ngày 01/01/2018	162.118.162.804	295.868.911.820	15.136.186.339	4.140.506.715	1.308.454.872	478.572.222.549	
Khấu hao trong năm	25.669.502.889	61.471.769.887	4.922.815.297	632.988.071	356.859.500	93.053.935.644	
Số dư ngày 31/12/2018	187.787.665.693	357.340.681.707	20.059.001.636	4.773.494.786	1.665.314.372	571.626.158.193	
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 01/01/2018	404.472.405.253	386.016.809.609	16.935.724.413	896.181.098	542.345.128	808.863.465.502	
Tại ngày 31/12/2018	380.562.037.119	376.529.447.089	12.551.061.843	622.374.529	185.485.628	770.450.406.209	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.426.867.060 VND

(\*) Giám khác do điều chỉnh giảm Giá trị sửa chữa phòng showroom và văn phòng xưởng do không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2018	18.194.506.744	1.571.301.023	84.500.000	19.850.307.767
Mua trong năm	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2018	18.194.506.744	1.571.301.023	84.500.000	19.850.307.767
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2018	-	328.718.853	50.898.870	379.617.723
Khấu hao trong năm	-	246.283.176	6.333.192	252.616.368
Số dư ngày 31/12/2018	-	575.002.029	57.232.062	632.234.091
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2018	18.194.506.744	1.242.582.170	33.601.130	19.470.690.044
Tại ngày 31/12/2018	18.194.506.744	996.298.994	27.267.938	19.218.073.676

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.400.000 VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
<b>Nguyên giá</b>	57.450.728.754	-	-	57.450.728.754
Quyền sử dụng đất	32.719.978.499	-	-	32.719.978.499
Cơ sở hạ tầng	24.730.750.255	-	-	24.730.750.255
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	16.082.291.645	1.744.520.034	-	17.826.811.679
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	16.082.291.645	1.744.520.034	-	17.826.811.679
<b>Giá trị còn lại</b>	41.368.437.109			39.623.917.075
Quyền sử dụng đất	32.719.978.499	-	-	32.719.978.499
Cơ sở hạ tầng	8.648.458.610	-	1.744.520.034	6.903.938.576

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty mẹ - Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty mẹ - Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**13. Chi phí trả trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.873.839.353</b>	<b>3.258.983.020</b>
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi	-	27.166.667
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	823.046.358	2.105.809.709
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	610.728.483	697.743.312
Chi phí mua các tài liệu kỹ thuật, giấy phép công nghệ	382.189.412	159.404.887
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	57.875.100	268.858.445
<b>b) Dài hạn</b>	<b>76.197.917.595</b>	<b>81.391.542.085</b>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.125.196.520	18.027.608.238
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	12.716.500.206	5.304.558.781
Kinh phí bảo trì tòa nhà	1.267.601.607	1.342.548.907
Chi phí thuê văn phòng	13.947.245.255	15.186.936.253
Chi phí sửa chữa TSCĐ, cải tạo các công trình	3.738.413.481	4.339.813.995
Tiền thuê đất của phòng thí nghiệm Tiên sơn	709.090.905	-
Chi phí ngừng lương tại Nhà máy Đức VEAM	-	334.068.650
Tiền thuê đất	10.027.313.436	10.348.187.463
Nâng cấp hệ thống băng thử Eddy-Curent 130 kw	230.000.000	-
Chi phí hỗ trợ biển hiệu, Showroom cho các đại lý	624.513.872	930.430.529
Chi phí thương hiệu	25.010.291.545	25.345.365.530
Chi phí khác	801.750.768	232.023.739
<b>Cộng</b>	<b>78.071.756.948</b>	<b>84.650.525.105</b>

**14. Phải trả người bán**

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thương mại dịch vụ TCG	-	-	1.553.249.998.500	1.553.249.998.500
Công ty CP Thép Tuệ Minh	-	-	97.333.305.080	97.333.305.080
Công ty TNHH Thương mại Lộc Xuân	5.272.930.587	5.272.930.587	12.133.404.609	12.133.404.609
Công ty TNHH Hùng Cường	7.192.870.788	7.192.870.788	2.033.514.876	2.033.514.876
Các đối tượng khác	42.237.263.578	42.237.263.578	46.832.418.814	46.832.418.814
<b>Cộng</b>	<b>54.703.064.953</b>	<b>54.703.064.953</b>	<b>1.711.582.641.879</b>	<b>1.711.582.641.879</b>

**b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**15. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Công ty CP Cơ khí An Giang	500.376.024	359.632.894
Các đối tượng khác	6.533.227.653	1.957.469.924
<b>Cộng</b>	<b>7.979.164.118</b>	<b>3.262.663.259</b>

*b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

**16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

				Đơn vị tính: VND
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	1.293.865	16.572.136.121	158.328.321	16.415.101.665
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	24.556.700.860	24.556.700.860	-
Thuế xuất nhập khẩu	829.929.682	15.256.468.721	16.086.398.403	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.546.518.147	-	10.546.518.147
Thuế thu nhập cá nhân	3.327.580.797	15.401.827.873	16.145.229.211	2.584.179.459
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.641.024	318.971.344	320.612.368	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.804.717.967	-	21.097.656.169	4.707.061.798
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>29.965.163.335</b>	<b>82.664.623.066</b>	<b>78.376.925.332</b>	<b>34.252.861.069</b>
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế GTGT đầu ra	510.000	510.000	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	599.277.422	-	571.788.000	1.171.065.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.841.350.103	15.620.791.334	-	3.220.558.769
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	300.292.885	439.155.685	138.862.800
Các loại thuế khác	1.000.000	1.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.442.137.525</b>	<b>15.922.594.219</b>	<b>1.010.943.685</b>	<b>4.530.486.991</b>

**17. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí khách hàng thân thiện	4.815.000.000	15.977.000.000
Chi phí phải trả chương trình hỗ trợ bán hàng	-	1.194.750.000
Trích trước chi phí lương tháng 13	2.717.603.163	1.285.652.750
Chi phí hoa hồng, bảo dưỡng, chi phí vận chuyển	13.195.423.546	39.571.007.893



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Các khoản trích trước khác	16.619.724.023	6.534.938.610	
<b>Cộng</b>	<b>37.347.750.732</b>	<b>64.563.349.253</b>	
<b>18. Phải trả khác</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>57.207.528.945</i>	<i>1.522.778.796.701</i>	
Kinh phí công đoàn	1.386.466.411	907.101.621	
Bảo hiểm xã hội	3.014.256.435	3.495.516	
Bảo hiểm y tế	1.924.610	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	857.670	-	
Phải trả về cổ phần hóa	11.764.420.622	1.511.275.018.600	
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	32.083.409.582	6.042.583.137	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả;	186.834.201	-	
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	8.769.359.414	4.550.597.827	
<i>b) Dài hạn</i>	<i>10.794.723.388</i>	<i>34.397.393.525</i>	
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	10.794.723.388	34.397.393.525	
<b>Cộng</b>	<b>68.002.252.333</b>	<b>1.557.176.190.226</b>	
<b>19. Doanh thu chưa thực hiện</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<i>Ngắn hạn</i>			
Doanh thu nhận trước cho thuê mặt bằng	2.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>-</b>	
<b>20. Dự phòng phải trả</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<i>Ngắn hạn</i>			
Dự phòng tiền lương	2.200.000.000	-	
Dự phòng bảo hành sản phẩm	1.334.736.744	-	
<b>Cộng</b>	<b>3.534.736.744</b>	<b>-</b>	
<b>21. Vốn chủ sở hữu</b>			
<i>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>			
		Đơn vị tính: VND	
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư tại ngày 24/01/2017	13.288.000.000.000	-	13.288.000.000.000
Lãi trong kỳ trước	-	522.075.000.640	522.075.000.640
Số dư tại ngày 31/12/2017	13.288.000.000.000	522.075.000.640	13.810.075.000.640
Lãi trong năm nay	-	5.224.454.595.986	5.224.454.595.986

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Chia cổ tức	-	(491.656.000.000)	(491.656.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	(14.685.106.915)	(14.685.106.915)
Trích quỹ khen thưởng người lao động	-	(14.685.106.915)	(14.685.106.915)
Trích quỹ thưởng người Quản lý	-	(1.048.786.810)	(1.048.786.810)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>		<b>13.288.000.000.000</b>	<b>5.224.454.595.986</b>
			<b>18.512.454.595.986</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Bộ Công thương	11.755.829.660.000	11.755.829.660.000
Các cổ đông khác	1.532.170.340.000	1.532.170.340.000
<b>Cộng</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>13.288.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2018	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>13.288.000.000.000</b>	<b>13.288.000.000.000</b>
Vốn góp đầu kỳ	13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>491.656.000.000</b>	<b>491.656.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.328.800.000	1.328.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu		

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2018	01/01/2018
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Dollar Mỹ (USD)	1.223.749,44	891.797,19

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	2.927.109.085.465	2.554.889.955.328
<b>Cộng</b>	<b>2.927.109.085.465</b>	<b>2.554.889.955.328</b>

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2*

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Chiết khấu thương mại	-	12.308.897.100
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>12.308.897.100</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Giá vốn bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	2.722.794.840.214	2.271.110.767.033
<b>Cộng</b>	<b>2.722.794.840.214</b>	<b>2.271.110.767.033</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi hỗ trợ vốn	355.500.329.404	194.520.625.221
Lãi bán ngoại tệ	165.090.000	66.610.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.138.384.571.883	799.146.078.171
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	719.591.995	779.341.929
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	21.348.870	-
<b>Cộng</b>	<b>5.494.790.932.152</b>	<b>994.512.655.321</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	94.229.593.938	55.220.433.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	193.397.965	163.762.321
Chi phí trả chậm tiền hàng	53.689.607.244	-
<b>Cộng</b>	<b>148.112.599.147</b>	<b>55.384.195.601</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
ISEKI khuyến mãi doanh số bán hàng	807.644.739	1.425.617.878
Thu phạt vi phạm hợp đồng	219.897.638	-
Cục kiểm tra sau thông quan hoàn thuế	-	2.305.211.366
Thu nhập khác	432.983.023	1.443.644.074
<b>Cộng</b>	<b>1.460.525.400</b>	<b>5.174.473.318</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Phạt vi phạm hành chính và lĩnh vực thuế	92.174.801	8.591.993.974
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm	137.045.568	-
Chi phí ngừng lương Nhà máy Đức số 1	334.068.650	306.229.594
Chi phí khấu hao Tài sản không sử dụng	9.767.122.692	-
Các khoản chi phí khác	87.375.723	156.676.888
<b>Cộng</b>	<b>10.417.787.434</b>	<b>9.054.900.456</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>105.618.027.831</b>	<b>214.026.676.641</b>
Chi phí nhân viên	8.985.117.169	6.860.197.325
Chi phí vật liệu, bao bì	6.806.687.675	4.311.197.742
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	482.281.560	641.793.765
Chi phí khấu hao TSCĐ	521.693.373	218.488.580
Chi phí bảo hành	7.472.802.433	24.441.453.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.044.093.174	106.413.234.269
Chi phí bằng tiền khác	17.305.352.447	71.140.311.540
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>185.795.382.924</b>	<b>470.616.646.496</b>
Chi phí nhân viên quản lý	116.587.560.012	75.325.067.631
Chi phí vật liệu quản lý	7.342.922.889	1.856.422.284
Chi phí đồ dùng văn phòng	900.730.087	6.243.354.264
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	21.154.472.840	15.307.297.964
Thuế, phí và lệ phí	464.060.908	536.045.179
Chi phí dự phòng	6.398.979.166	316.382.817.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.756.038.832	22.412.785.107
Chi phí bằng tiền khác	16.190.618.190	32.552.856.089
<b>Cộng</b>	<b>291.413.410.755</b>	<b>684.643.323.137</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 24/01/2017	
	Năm 2018	đến 31/12/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	435.585.675.775	3.240.795.739.912
Chi phí nhân công	178.909.327.893	139.299.881.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.051.072.046	84.844.927.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.848.781.389	150.846.481.721
Chi phí bằng tiền khác	61.764.801.811	457.646.742.250
<b>Cộng</b>	<b>886.159.658.914</b>	<b>4.073.433.773.167</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 24/01/2017	
	Năm 2018	đến 31/12/2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.250.621.905.467	522.075.000.640
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	5.138.384.571.883	799.146.078.171
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	18.599.213.820	9.940.878.722
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	130.836.547.404	(267.130.198.809)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	26.167.309.481	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.167.309.481	-

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty mẹ - Tổng Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty mẹ - Tổng Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 05/3/2019 Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP nhận được Quyết định số 195/QĐ-HQHN của Cục Hải quan thành phố Hà Nội về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do khai sai mã HS, thuế suất của hàng hóa nhập khẩu. Số tiền thuế ấn định: 352.419.908.000 đồng, trong đó: đã nộp 172.897.527.000 đồng, còn phải nộp: 179.522.381.000 đồng

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty CP Cơ khí chính xác số 1  
 Công ty CP Cơ khí Phổ Yên  
 Công ty CP Cơ khí Cổ Loa  
 Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM  
 Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ  
 Công ty CP Phụ tùng máy số 1  
 Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp  
 Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo  
 Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công  
 Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam  
 Viện Công nghệ  
 Veam Korea Corporation  
 Công ty CP Cơ khí Vinh  
 Công ty CP Nakycó  
 Công ty CP Cơ khí An Giang  
 Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ  
 Công ty Honda Việt Nam  
 Công ty Ô tô Toyota Việt Nam  
 Công ty TNHH Mekong Auto  
 Công ty CP Kumba  
 Công ty CP Matexim Hải Phòng

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Đầu tư dài hạn khác  
 Đầu tư dài hạn khác  
 Đầu tư dài hạn khác

*\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2018	Từ ngày 24/01/2017 đến 31/12/2017
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>	<b>82.308.186.621</b>	<b>339.001.377.833</b>
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	8.914.050.037	1.181.673.891
Công ty CP Kumba	-	1.036.376.335
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	45.818.182	-
Công ty Cổ phần Nakycó	-	-
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	315.175.000	15.475.664.940
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	-	-
Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	6.502.878.694	15.349.660.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	46.789.427.572	79.153.357.800
Công ty CP Cơ khí An Giang	118.534.546	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	4.529.617.087	-
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	1.700.973.919	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	69.907.016	107.811.772.897
Veam Korea Corporation	11.036.336.624	112.060.591.567
Công ty CP Cơ khí Vinh	-	-
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	730.553.940	6.530.675.403
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	1.554.914.004	401.605.000
<b>Bán hàng</b>	<b>911.403.635.933</b>	<b>447.306.475.385</b>
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	32.552.966.969	27.106.450.284

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty CP Kumba	-	224.268.880
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	108.499.999	-
Công ty Cổ phần Nakycó	216.099.165	1.018.162.820
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	438.428.532	13.658.530.908
Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	2.108.487.390	9.434.487.343
Công ty CP Cơ khí An Giang	2.034.339.038	5.714.233.391
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	468.765.176	22.424.475
Công ty Cơ khí Chính xác số 1	53.570.354.287	295.636.363
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (CHANGAN)	237.700.000	-
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (MATEXIM HN)	362.034.473.224	277.012.819.643
Công ty CP Matexim Hải Phòng	449.762.504.666	102.946.279.520
Công ty CP Cơ khí Phố Yên	840.312.025	-
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	5.725.656	-
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Hà Nội	153.324.677	-
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh	79.683.514	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	-	9.804.339.825
Công ty CP Cơ khí Vinh	6.791.971.615	68.841.933
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>5.138.384.571.883</b>	<b>799.146.078.171</b>
Công ty Honda Việt Nam	4.494.540.497.244	665.364.039.581
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	621.741.083.545	133.421.070.590
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	1.522.200.861	-
Công ty CP Cơ khí Phố Yên	5.661.000.000	-
Công ty CP phụ tùng máy số 1	10.122.190.233	-
Công ty CP Cơ khí An Giang	3.895.180.000	-
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	902.420.000	360.968.000

**\*) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	21.437.449.929	18.265.623.697
Công ty CP Nakycó	2.210.499.976	2.210.499.976
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	73.700.000.000	82.313.199.999
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	68.673.359.722	68.708.876.647
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (MATEXIM HN)	-	304.714.101.607
Công ty CP Matexim Hải Phòng	95.090.938.535	104.602.688.637
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Hà Nội	338.000.000	194.000.000
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại TP HCM	66.000.000	-
Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ tại Đà Nẵng	13.205.936.501	13.205.936.501
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	23.000.000.000	23.157.744.532
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	875.920.500	875.920.500
Công ty CP Cơ khí An Giang	32.670.000	-
Công ty CP cơ khí Vinh	5.967.364.958	-
Công ty CP cơ khí chính xác số 1	13.447.461.042	-
<b>Các khoản phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>4.935.000.000</b>	<b>7.135.000.000</b>
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	4.935.000.000	7.135.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>150.196.935.621</b>	<b>94.379.054.879</b>
Chi nhánh Công ty Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.800.000.000	6.800.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	143.326.935.621	87.509.054.879
Công ty CP NAKYKO	70.000.000	70.000.000
<b>Phải thu khác</b>		
<b>Các khoản phải thu tiền hỗ trợ vốn</b>	<b>570.944.647.292</b>	<b>608.894.647.292</b>
Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	3.500.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	-	20.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Cỗ Loa	6.250.000.000	9.000.000.000
Công ty CP Vận tải & Thương mại VEAM	144.500.000.000	145.200.000.000
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	274.397.837.417	274.397.837.417
Công ty CP Phụ tùng Máy số 1	-	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	27.868.346.742	27.868.346.742
Viện Công nghệ	-	2.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Vinh	8.471.938.310	8.471.938.310
Công ty CP NAKYCO	6.110.888.501	6.110.888.501
Công ty CP Cơ khí An Giang	12.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	-	1.000.000.000
Công ty CP Matexim Hải Phòng	87.845.636.322	87.845.636.322
<b>Cổ tức và lãi hỗ trợ vốn</b>	<b>2.345.848.537.134</b>	<b>375.442.973.232</b>
Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	-	5.916.555.556
Công ty CP Cơ khí Cỗ Loa	1.805.127.989	1.571.090.085
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	3.511.092.781	-
Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	53.196.512.783	53.196.512.783
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	-	273.321.202.386
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	-	1.892.944.027
Viện Công nghệ	1.200.000.000	1.522.630.483
Công ty CP Cơ khí Vinh	2.669.139.684	2.242.625.302
Công ty CP NAKYCO	2.208.467.371	1.791.464.706
Công ty CP Cơ khí An Giang	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Honda Việt Nam	2.247.270.248.622	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng	32.887.947.904	32.887.947.904
<b>Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học</b>	<b>21.058.347.908</b>	<b>79.595.448.771</b>
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	12.579.879.104	60.824.448.771
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.478.468.804	12.584.000.000
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	-	6.187.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>29.946.501.227</b>	<b>4.923.253.207</b>
Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	3.607.010	3.511.092.781
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	-	22.546.917
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	29.843.244.157	1.328.998.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	37.104.104	37.104.104
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Hà Nội	48.168.548	23.511.405
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại TP. Hồ Chí Minh	14.377.408	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>12.943.467.067</b>	<b>3.869.312.686</b>
Công ty CP Kumba	-	138.922.300
Công ty CP Cơ khí Cỗ Loa	-	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	114.441.888	120.060.604
Công ty TNHH Máy kéo và Máy nông nghiệp	1.479.144.000	1.120.000.000
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	630.820.001	250.938.527
Công ty CP Matexim Hải Phòng	-	178.381.995
Viện công nghệ	-	37.564.830
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	-	83.017.250
Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	-	1.940.427.180
Veam Korea Corporation	10.719.061.178	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>500.376.024</b>	<b>359.632.894</b>
Công ty CP Cơ khí An Giang	500.376.024	359.632.894
<b>Phải trả khác</b>	<b>365.541.000</b>	<b>625.915.000</b>
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	365.541.000	625.915.000

**\*) Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2018</b>
	<b>VND</b>
Lương của Hội đồng quản trị	6.614.737.447
Lương của Ban Tổng giám đốc	5.078.338.329
Lương của Ban Kiểm soát	1.902.074.120
<b>Cộng</b>	<b>13.595.149.896</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Quyền Tổng giám đốc

  
**Nguyễn Thị Thanh Hồng**

  
**Hoàng Văn Lãm**



  
**Ngô Văn Tuyền**